

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒNG BÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ TÀI CHÍNH KẾT THÚC TỪ 01/01/2013 ĐẾN 30/06/2013**

Head Office in HCMC:
50C9 Road 11, Mieu Noi Area,
Ward 02, Phu Nhuan Dist., HCMC
Tel: 08 3517 8670
Fax: 08 3517 4803
Email: ktvn@vnaudit.com.vn

Sai Gon Branch:
42/2 Nguyen Dinh Khoi Street,
Ward 04, Tan Binh Dist., HCMC
Tel: 08 3811 6462
Fax: 08 3811 6462

Hanoi Branch:
13/6 Kim Dong Str.,
Hoang Mai Dist., Ha Noi
Tel: 04 3668 6533/34
Fax: 04 3668 6535
Email: ktvnhanoi@yahoo.com

Rep Office:
39 - 41 Ngo Quyen Str.
Ca Mau Province
Tel: 0780 358 7777
Fax: 0780 358 7777
Email: ktvncamau@yahoo.com.vn

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Quách Lệ Dung	Chủ tịch
Ông Diệp Dậu Hùng	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Duy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Anh Đào	Tổng Giám đốc
Ông Quách Văn Long	Quyền Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ý KIẾN BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc nhận thấy báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty vào ngày lập báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tháng tới.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2013

Số: 106a/HDKT2013

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng
cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hồng Bàng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồng Bàng (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (gọi chung là "báo cáo tài chính"), đính kèm từ trang 05 đến trang 23.

Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến chúng tôi bị ảnh hưởng bởi vấn đề sau :

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc kỳ tài chính 30/06/2013, số lỗ lũy kế của công ty là **21.809.646.390 VND** chiếm **62%** vốn điều lệ.

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Nghị quyết số 03-2013/NQ-DHĐCĐ của Đại Hội cổ đông bất thường ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn từ 35 tỷ lên 70 tỷ đã được thông qua. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc tăng vốn này. Các cổ đông của Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến.

11.10.09.15 / 11

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT
VIET NHAT AUDITING CO., LTD.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vì những lý do nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Nhân Bào

Nguyễn Nhân Bào
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0413/KTV

Thay mặt và đại diện CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Phan Thị Thủy Tiên

Phan Thị Thủy Tiên
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0360/KTV

2023/05/11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		8.023.309.736	12.099.631.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.913.009.696	10.174.774.582
1. Tiền	111		2.413.009.696	4.174.774.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	1.544.765.750	850.514.088
1. Phải thu khách hàng	131		1.022.000.000	810.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		450.686.400	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		72.079.350	10.742.020
5. Các khoản phải thu khác	138			29.772.068
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			-
IV. Hàng tồn kho	140			-
1. Hàng tồn kho	141			-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.3	565.534.290	1.074.343.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		426.414.290	224.139
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		139.120.000	1.074.119.030

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		7.117.156.442	7.338.079.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
II. Tài sản cố định	220		6.633.141.664	6.953.174.537
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	3.408.745.925	3.405.677.285
- Nguyên giá	222		5.123.117.908	4.856.501.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.714.371.983)	(1.450.823.803)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	3.224.395.739	3.547.497.252
- Nguyên giá	228		4.952.957.400	4.952.957.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.728.561.661)	(1.405.460.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			-
III. Bất động sản đầu tư	240			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			-
V. Tài sản dài hạn khác	260		484.014.778	384.905.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	11.795.503	22.323.379
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	4.7	199.939.275	180.301.984
4. Tài sản dài hạn khác	268	4.8	272.280.000	182.280.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.140.466.178	19.437.711.739

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.950.112.568	3.230.117.060
I. Nợ ngắn hạn	310	4.10	1.950.112.568	3.230.117.060
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			-
2. Phải trả người bán	312		11.757.788	-
3. Người mua trả tiền trước	313			-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		29.107.310	20.288.595
5. Phải trả người lao động	315		17.051.217	17.051.225
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		612.240.000	276.814.000
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		57.661.907	18.200
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322			-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		1.222.294.346	2.915.945.040
II. Nợ dài hạn	330			-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		13,190,353,610	16.207.594.679
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11	13.190.353.610	16.207.594.679
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21.809.646.390)	(18.792.405.321)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		15.140.466.178	19.437.711.739

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**MÃ SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
6. Chứng khoán lưu ký		70.957.370.000	73.093.720.000
6.1 Chứng khoán giao dịch		70.184.270.000	72.007.320.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		510.000.000	510.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		510.000.000	510.000.000
6.3 Chứng khoán cầm cố		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		242.100.000	576.400.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch		21.000.000	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 07 năm 2013

Mai Quốc Cường
Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu	01	5.1	434.607.056	1.402.514.899
Trong đó				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		99.233.971	606.948.588
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2			
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3			
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4			
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		210.000.000	
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6			
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7			
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8			
- Doanh thu khác	01.9		119.714.005	795.566.311
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		434.607.056	1.402.514.899
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	5.2	1.633.562.800	1.385.778.321
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(1.198.955.744)	16.736.578
6. Chi phí quản lý	25	5.3	1.830.596.202	2.321.127.248
7. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		(3.029.551.946)	(2.304.390.670)
8. Thu nhập khác	31	5.4	129.090.910	
9. Chi phí khác	32	5.5	116.780.033	1.100.000
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.310.877	
11. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.017.241.069)	(2.305.490.670)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6		
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(3.017.241.069)	(2.305.490.670)



Lê Thị Anh Đào

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2013

Mai Quốc Cường

Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**MẪU SỐ B 03-CTCK**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		(3.017.241.069)	(2.305.490.670)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		586.649.693	581.878.838
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(110.422.455)	-
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.541.013.831)	(1.723.611.832)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(820.617.632)	(724.723.283)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.299.641.783)	5.969.325.166
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(415.662.275)	257.797.718
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.041.365.000	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(90.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.125.570.521)	3.788.787.769
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(266.616.820)	(98.010.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		110.422.455	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.194.365)	(4.598.010.000)

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/06/2013MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.300.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.300.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.261.764.886)	(809.222.231)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.174.774.582	12.374.529.776
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.913.009.696	11.565.307.545



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2013

Mai Quốc Cường
Quyền Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/giảm				Số dư cuối	
		Kỳ trước 01/01/2012	Kỳ này 01/01/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012		Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013		Kỳ trước 30/06/2012	Kỳ này 30/06/2013
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000					35.000.000.000	35.000.000.000
<i>Trong đó</i>									
- Số lượng cổ phiếu phát hành		-	-	-	-	-	-	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(14.459.641.116)	(18.792.405.321)		2.305.490.670		3.017.241.069	(16.765.131.786)	(21.809.646.390)
Cộng		20.540.358.884	16.207.594.679		2.305.490.670		3.017.241.069	18.234.868.214	15.140.466.178

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồng Bàng được thành lập theo Giấy phép số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và giấy phép điều chỉnh số 53/GPĐC-UBCK ngày 23/09/2011. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau :

- Giấy chứng nhận số 69/UBCK-GCN ngày 25/03/2009 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 123/GCNTVLK ngày 09/10/2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký.
- Quyết định số 104/QĐ-SGDHCM ngày 29/12/2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.
- Quyết định số 04/QĐ-SGDHN ngày 05/01/2010 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lầu 1, Tòa nhà số 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ : 35.000.000.000 VND.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh chứng khoán.

Hoạt động chính của công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Chế độ kế toán áp dụng, kỳ kế toán và hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các công ty chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ tài chính này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	Số năm
Vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	08

Thay đổi so với năm trước

Tài sản cố định được phân loại tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Theo đó những tài sản nào không đủ điều kiện về giá trị sẽ được phân loại vào chi phí trả trước với thời gian phân bổ không quá 03 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.6 Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.7 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

3.8 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 17% và trừ lương cán bộ công nhân viên 7%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.

Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

3.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.10 Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3.11 Chi phí thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.348.668.777	3.483.594.213
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.064.340.919	691.180.369
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000 (*)	6.000.000.000
Cộng	5.913.009.696	10.174.774.582

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn.

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.022.000.000 (a)	810.000.000
Trả trước cho người bán	450.686.400 (b)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	72.079.350	10.742.020
Các khoản phải thu khác	-	29.772.068
Cộng	1.544.765.750	850.514.088

(a) Chủ yếu là phải thu các hợp đồng tư vấn đầu tư của các đối tượng sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Mai Đức Hội	500.000.000	500.000.000
Trần Hồng Hải	300.000.000	300.000.000
Bùi Minh Đông	200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(b) Chủ yếu là khoản ứng trước số tiền 441.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Giải Pháp Công Nghệ Phúc Khang theo Hợp đồng số 2112/HDKT-2011 về việc nâng cấp phần mềm giao dịch chứng khoán.

4.3 Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	426.414.290 (*)	224.139
Tạm ứng của nhân viên Công ty	139.120.000	1.074.119.030
Cộng	565.534.290	1.074.343.169

(*) Bao gồm

	Số cuối kỳ
	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	321.829.690
Chi phí thuê máy chủ	30.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	60.000.000
Công cụ dụng cụ	14.584.600

4.4 Tài sản cố định hữu hình

TSCĐ hữu hình	Thiết bị quản lý	Máy móc và thiết bị	Vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	946.617.915	2.742.932.506	1.166.950.667	4.856.501.088
Tăng trong kỳ	-	494.190.150	-	494.190.150
<i>Phân loại</i>	-	47.920.150	-	47.920.150
<i>Mua sắm</i>	-	446.270.000	-	446.270.000
Giảm trong kỳ	148.985.850	78.587.480	-	227.573.330
<i>Phân loại</i>	47.920.150	-	-	47.920.150
<i>Thanh lý</i>	101.065.700	78.587.480	-	179.653.180
Số dư cuối kỳ	797.632.065	3.158.535.176	1.166.950.667	5.123.117.908
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	227.493.340	876.072.521	347.257.943	1.450.823.803
Tăng trong kỳ	153.366.626	140.913.730	59.174.826	427.833.515
<i>Khấu hao</i>	51.954.438	215.292.063	59.174.826	326.421.327
<i>Phân loại</i>	101.412.188	-	-	101.412.188
Giảm trong kỳ	39.951.798	124.333.537	-	164.285.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

<i>Phân loại</i>	-	101.412.188	-	101.412.188
<i>Thanh lý</i>	-	22.921.349	-	22.921.349
Số dư cuối kỳ	406.432.769	967.031.047	340.908.168	1.714.371.983
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	819.692.724	1.866.859.986	719.124.576	3.405.677.285
Số dư cuối kỳ	760.517.898	2.191.504.130	456.723.898	3.408.745.925
4.5 Tài sản cố định vô hình				
TSCĐ vô hình		Phần mềm quản lý	Phần mềm máy tính	Cộng
		VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400	
Tăng trong kỳ	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	4.917.935.400	35.022.000	4.952.957.400	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.395.610.210	9.849.938	1.405.460.148	
Tăng trong kỳ	320.912.635	2.188.878	323.101.513	
Khấu hao trong kỳ	320.912.635	2.188.878	323.101.513	
Giảm trong kỳ	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	1.716.522.845	12.038.816	1.728.561.661	
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.522.325.190	25.172.062	3.547.497.252	
Số dư cuối kỳ	3.201.412.555	22.983.184	3.224.395.739	
4.6 Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
		VND	VND	
Chi phí khác chờ phân bổ		11.795.503	22.323.379	
Cộng		11.795.503	22.323.379	
4.7 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		Kỳ này	Năm trước	
		VND	VND	
Tiền nộp ban đầu		120.000.000	120.000.000	
Tiền nộp bổ sung hàng năm		60.831.667	44.137.954	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền lãi phân bổ hàng năm	19.107.608	16.164.030	
Cộng	199.939.275	180.301.984	
4.8 Tài sản dài hạn khác			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
Đặt cọc tiền thuê văn phòng tại số 144 Châu Văn Liêm	179.280.000	179.280.000	
Đặt cọc thuê văn phòng ở 50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	90.000.000	-	
Ký quỹ Taxi Vinasun	3.000.000	3.000.000	
Cộng	272.280.000	182.280.000	
4.9 Nợ ngắn hạn			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
Phải trả người bán	11.757.788	-	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	29.107.310	20.288.595	
Phải trả người lao động	17.051.217	17.051.225	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	612.240.000	276.814.000	
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	57.661.907	18.200	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.222.294.346 (*)	2.915.945.040	
Cộng	1.950.112.568	3.230.117.060	
(*) Chủ yếu :			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
	VND	VND	
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.166.052.212	2.884.714.515	
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	35.490.409	9.908.800	
Phải trả khác	20.751.725	21.321.725	
4.10 Vốn chủ sở hữu			
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	(14.459.641.116)	20.540.358.884
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm		(4.332.764.205)	(4.332.764.205)
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	(18.792.405.321)	16.207.594.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	(3.507.672.633)	(3.507.672.633)
Số dư cuối kỳ	35.000.000.000	(22.300.077.954)

Vốn điều lệ

Theo Giấy phép thành lập số 105/UBCK-GP, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND.
Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ, danh sách cổ đông như sau :

	Vốn thực tế đã góp			
	30/06/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Quách Lệ Dung	-	-	1.700.000.000	4.86
Hoàng Việt Duy	1.575.000.000	4.50	1.575.000.000	4.50
Lê Thị Anh Đào	1.715.000.000	4.90	1.715.000.000	4.90
Diệp Đậu Hùng	1.740.000.000	4.97	1.740.000.000	4.97
Các cổ đông khác	29.970.000.000	85.63	28.270.000.000	80.77
Cộng	35.000.000.000	100.00	35.000.000.000	100.00

Cổ phiếu

	30/06/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán	99.233.971	606.948.588
Doanh thu tư vấn	210.000.000	731.467.918
Doanh thu về vốn kinh doanh	119.714.005	64.098.393
Cộng	434.607.056	1.402.514.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên bên liên quan**Mối quan hệ**

Bà Quách Lệ Dung

Chủ tịch HĐQT – Cổ đông

Ông Diệp Dậu Hùng

Ủy viên HĐQT – Cổ đông

Bà Lê Thị Anh Đào

Tổng giám đốc – Cổ đông

Ông Quách Văn Long

Quyền Phó Tổng giám đốc – Cổ đông

Ông Hoàng Việt Duy

Ủy viên HĐQT – Cổ đông

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau :

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Quách Văn Long – Tạm ứng	-	978.365.000
Ông Quách Văn Long – Tiền gửi giao dịch CK	41.018.758	114.701.675
Ông Hoàng Việt Duy – Tiền gửi giao dịch CK	153.236.397	50.626.522

6.2 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả định rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty không bị ảnh hưởng. Mặc dù đến ngày kết thúc kỳ tài chính 30/06/2013, số lỗ lũy kế của công ty là **21.809.646.390 VND** chiếm **62%** vốn điều lệ.

Công ty đang trong giai đoạn bị kiểm soát đặc biệt (từ ngày 06/05/2013 đến ngày 06/09/2013) theo quyết định số 248/QĐ – UBCK của Ủy ban chứng khoán nhà nước, do không đáp ứng được các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC và thông tư 165/2012/TT-BTC của Bộ tài chính về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính”. Khi hết thời hạn kiểm soát đặc biệt mà công ty vẫn không khắc phục được và lỗ lũy kế đạt mức 50% vốn điều lệ trở lên thì sẽ bị đình chỉ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nghị quyết số 03-2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội cổ đông bất thường ngày 17/06/2013 về việc tăng vốn từ 35 tỷ lên 70 tỷ đã được thông qua. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc tăng vốn này. Các cổ đông của Công ty cam kết rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ khi cần thiết nhằm đảm bảo giúp Công ty duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai có thể dự kiến.



Lê Thị Anh Đào
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 07 năm 2013

Mai Quốc Cường
Quyền Kế toán trưởng